

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2024

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lựu
2. Ông Nguyễn Văn Xô.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 103/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 05 năm 2024; thông báo thay đổi thời gian xét xử số 15/2024/TB- TA ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số XXX, đường Trần Hưng Đạo, khu Kinh Hạ, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số XXX, đường Trần Hưng Đạo, khu Kinh Hạ, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Chị H và anh L đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 23-03-2012 tại UBND thị trấn

Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (*nay là phường An Lưu, thị xã Kinh Môn*). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận tại nhà bố mẹ đẻ của chị H ở số 162, đường Trần Hưng Đạo, khu Kinh Hạ, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh L bỏ đi làm ăn xa và vợ chồng không còn chung sống cùng nhau.

Chị H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh L không còn chung thủy, thường xuyên lừa dối chị để chơi bời. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh không thay đổi, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Anh L thường xuyên bỏ nhà đi thỉnh thoảng gọi điện về để nói chuyện với con. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải mong vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh L không nghe. Anh L bỏ đi làm ăn xa không cho chị biết địa chỉ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn chị giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh L.

Anh L trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hiện vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị H có đơn yêu cầu xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Bình M, sinh ngày 24-10-2015 và Phạm Châu A, sinh ngày 18-06-2021. Hiện hai con chung đang được chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do anh L đi làm ăn xa không thường xuyên ở nhà. Nên anh chị thống nhất để chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Bình M và cháu Châu A cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản chung: Chị H và anh L trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh với trưởng thôn Kim Đậu, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn: Anh Phạm Văn L có bố đẻ là ông Phạm Văn Vững. Mẹ đẻ của anh L đã chết, sau đó ông Vững đã kết hôn với bà Nguyễn Thị Len. Hiện bà Len đang sinh sống tại địa phương. Anh L kết hôn và sinh sống tại phường An Lưu. Theo gia đình Anh L thường xuyên đi làm ăn xa và thỉnh thoảng mới về thăm bà Len. Mâu thuẫn của vợ chồng anh L địa phương không nắm được.

Biên bản xác minh với trưởng khu dân cư Kinh Hạ, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị cùng chung sống với bố mẹ đẻ của chị H tại thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo địa phương được biết anh L chơi cờ bạc nợ nần nên phải bỏ đi làm ăn xa. Vợ chồng chị H có hai con chung và hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng với mẹ và ông

bà ngoại. Nay chị H xin ly hôn với anh L, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên ghi lời khai của bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Thu H):
Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị cùng chung sống với vợ chồng bà tại số 162, đường Trần Hưng Đạo, khu Kinh Hạ, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh L chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không nghe. Hiện nay anh L đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về thăm mẹ con chị H. Nay chị H xin ly hôn, bà đã nhiều lần khuyên giải mong vợ chồng anh chị quay về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Vì vậy bà đề nghị tòa án giải quyết theo mong muốn của vợ chồng chị H. Anh chị có 02 con chung là Phạm Bình M, sinh ngày 24-10-2015 và Phạm Châu A, sinh ngày 18-06-2021. Hiện hai con chung đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Các con chung hiện đã đi học, khoẻ mạnh và phát triển tốt. Chị H và các con đang ở cùng vợ chồng bà, chỗ ở ổn định. Nếu tòa án giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà sẽ hỗ trợ chị trong việc chăm sóc, nuôi dạy các cháu.

Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L (mẹ kế anh Phạm Văn L): Sau khi bà Nguyễn Thị Từ (mẹ đẻ của anh Phạm Văn L) chết, bà kết hôn cùng với ông Phạm Văn Vững (bố đẻ anh L). Sau đó anh L kết hôn với chị H và cùng nhau sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị H ở thị xã Kinh Môn. Anh L thỉnh thoảng về thăm bà, bà không biết nơi anh L đang sinh sống, làm việc. Bà không biết mâu thuẫn của vợ chồng anh L. Nay chị H xin ly hôn với anh L đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn L.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Bình M, sinh ngày 24-10-2015 và Phạm Châu A, sinh ngày 18-06-2021 cho chị Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phạm Văn L đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 162, đường Trần Hưng Đạo, khu Kinh Hạ, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh L không chung thủy, vợ chồng không còn yêu thương tin tưởng nhau. Năm 2022 anh L bỏ nhà đi nói là đi làm nhưng không cho chị biết địa chỉ. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, anh L cũng thừa nhận vợ chồng không thể cùng chung sống. Chị H xin ly hôn, anh L đồng ý. Như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng chị H, anh L vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Bình M, sinh ngày 24-10-2015 và Phạm Châu A, sinh ngày 18-06-2021. Từ khi vợ chồng anh chị ly thân cháu vẫn do chị H nuôi dưỡng. Anh chị thống nhất vợ chồng ly hôn để ổn định cho các cháu nên chị H vẫn tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Thỏa thuận của chị phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung: Chị H và anh L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Văn L.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Bình M, sinh ngày 24-10-2015 và Phạm Châu A, sinh ngày 18-06-2021 cho chị Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Anh Phạm Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp là 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số BLTU/23/0002386 ngày 24-04-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Văn Xô

Lê Thị Thu Hằng

